TIẾNG ANH 3 – WONDERFUL WORLD

(Time allowed: 35 minutes)

For pupil:	*For teacher:*
Full name:.....	
School :	**TOTAL POINTS: ___/10**
Class :	
Date : ...../ ..... /	

Teacher's comments: .....

FT (Signature + Name): ..... **VT (Signature + Name):** .....

PART A: LISTENING (4ps)

❶ Listen and number / *Nghe và ghi số thứ tự vào tranh từ 1 – 4* **(2ps)**

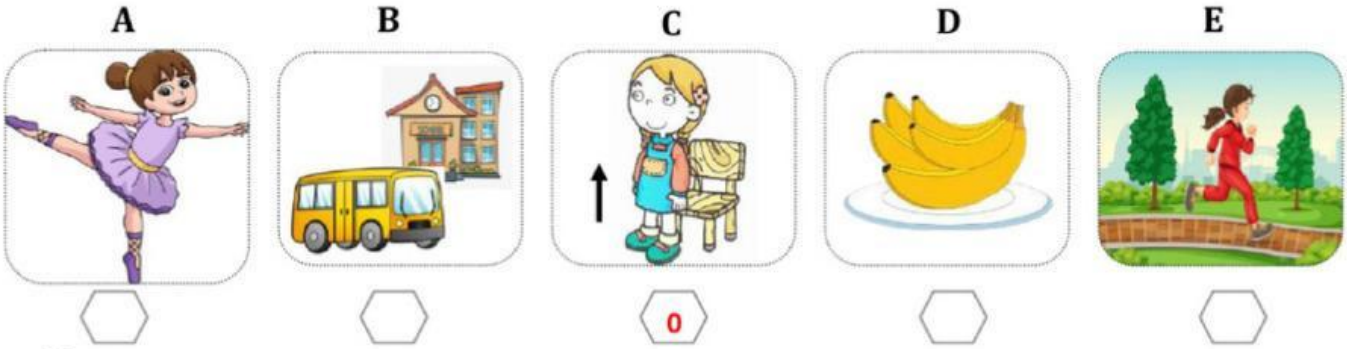

❷ Listen to the questions and circle the correct answers. / *Nghe câu hỏi và khoanh tròn câu trả lời phù hợp.* **(1p)**

Ex. -------

A. I'm fine. Thank you.

(B.) Yes, it is.

5. -------?

A. I go to school with my friends.

B. I go to school on Mondays.

6. -------?

A. Yes, it is.

B. It's on the table.

7. -------?

A. Yes, she is.

B. Yes, he is.

8. -------?

A. I'm playing the piano.

B. Yes, I can.

LIVEWORKSHEETS

❸ Listen and circle the correct pictures. / *Nghe và khoanh tròn vào tranh đúng.* **(1p)**

Ex:

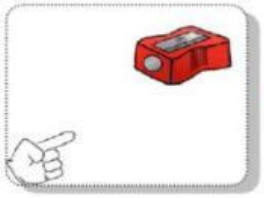

A

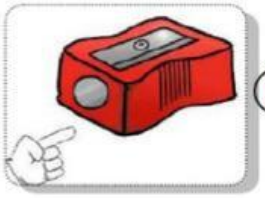

B

9.

A

B

10.

A

B

11.

A

B

12.

A

B

PART B: READING & WRITING (4ps)

❶ Look at the pictures and choose the correct sentence. / *Hãy nhìn tranh, chọn câu trả lời phù hợp nội dung câu hỏi.* **(1p)**

Ex:

A. *It's a chair.*

B. *It's a desk.*

13.

A. *Let's go to the museum.*

B. *Let's go to the park.*

14.

A. *There are ten apples.*

B. *There are twelve apples.*

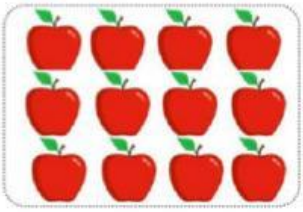

LIVEWORKSHEETS

15. **A.** *It's hot and sunny.*
B. *It's cold and rainy.*

16. **A.** *I climb the rock.*
B. *I swim in the river.*

❷ Choose the best answer A, B or C to complete the sentences. /*Chọn đáp án phù hợp nhất để hoàn thành câu.* (1p)

Ex. Is _____ a clock in the bedroom? – Yes, there is.

A. this *(B) there* *C. that*

17. How many _____are there?

A. sweets B. sweet C. biscuit

18. _____ do you have dinner with?

A. Who B. How C. What

19. I play in the garden _____ Saturdays.

A. in B. on C. at

20. Let's go to the museum and see the old _____ there.

A. markets B. paintings C. food

❸ Look at the pictures and write one word only to complete the sentences./ *Nhìn tranh và viết từ phù hợp để hoàn thành câu.* (1p)

Ex: They can play tennis.

21. They can play _____ .

22. They are swimming in the _____.

LIVEWORKSHEETS

23. She is _____ a bike.

24. There is a banana _____ the box.

❹ **Reorder the words to make sentences.** / *Hãy sắp xếp các từ tạo thành câu hoàn chỉnh, bỏ dấu gạch chéo và không thêm, không bớt từ.* **(1p)**

Ex: is/ This / a/ classroom/. (4 words) ⇨ This is a classroom.

25. market/ My/ some/is/ buying/ mum/food/ at/ the/. *(9 words)*

⇨ My _____

26. my/ grandma/ have/ I/ dinner/ with/. *(6words)*

⇨ I _____

PART C: SPEAKING (2ps)

❶ **Interview (1p).** *(2 out of 4 questions)*

1. What's your name?
2. How old are you?
3. How do you go to school?
4. What is your favourite food? (Do you like bread/ chicken...?)

❷ **Look and answer the questions. (1p).** *(2 out of 4 questions)*

1. What is this/ What are these?
2. How many biscuits are there?
3. Where is the juice/ bread?
4. Are the apples under the table?

** **THE END** **

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS